

Số: /KH-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3490/QĐ-BNV ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020";

Căn cứ Kế hoạch số 995/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; nâng cao sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Các chỉ tiêu cụ thể

- 100% các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được kiểm tra cải cách hành chính (*Sở Nội*

vụ chịu trách nhiệm thực hiện; các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phối hợp).

- 100% nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành đúng tiến độ (*Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thực hiện; các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp*).

- 100% số lãnh đạo cấp sở, cấp phòng thuộc, trực thuộc sở, cấp phòng thuộc/trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương được bổ nhiệm trong năm đúng quy định.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành trong năm 2020 được triển khai kịp thời (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai; Sở Tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh được công bố kịp thời (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin điện tử một cửa tỉnh Kon Tum (*Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm công khai, theo dõi, đôn đốc. Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp*).

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị được công khai tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum và trên Trang thông tin điện tử cơ quan trực tiếp giải quyết (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm đăng thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của cơ quan trực tiếp giải quyết; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm công khai thủ tục hành chính tại trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum*).

- 100% số xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính (*Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai; Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% văn bản phát hành dưới dạng điện tử có ký số, trừ văn bản mật (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ

công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật*).

- Phần đầu 05% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cấp xã thông qua việc tích hợp xác thực với các hệ thống xác thực của Trung ương và địa phương.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 5% trở lên; 100% dịch vụ công mức độ 3, 4 được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Trang thông tin điện tử các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công khai đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến;

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc được chuyển giao từ Trung ương và thông qua Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản tất cả các sở, ngành, đơn vị cấp huyện, cấp xã và kết nối, công khai tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

- 80% cá nhân hài lòng đối với các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế.

- Cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh có trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2018 (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng, duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng (sau đây gọi tắt là HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 – trong đó có 30% sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đổi áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN

ISO 9001:2015 và công bố lại HTQLCL đúng quy định (*Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc*).

- 100% số cơ quan hành chính cấp xã thuộc mỗi huyện, thành phố áp dụng và duy trì có hiệu quả HTQLCL (*Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai; Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc; Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn*).

2. Yêu cầu

- Công tác cải cách hành chính phải được thực hiện đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 -2020 (*cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công*).

- Các cơ quan, đơn vị phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hiệu quả, thực chất, hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi của văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

b) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính.

c) Đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật, công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận.

d) Triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ năm 2020.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

b) Tăng cường công tác rà soát, thống kê thủ tục hành chính theo từng

ngành, lĩnh vực; thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền để công bố kịp thời các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới.

c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính một cách đầy đủ, kịp thời, đúng quy định để phục vụ nhu cầu tra cứu của các tổ chức, cá nhân.

d) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính; tăng cường giải đáp trực tuyến vướng mắc của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

e) Thực hiện có hiệu quả, thực chất cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

g) Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Triển khai đánh giá trực tuyến mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng phòng, chi cục, trung tâm, ban quản lý dự án và đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành; khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, tiếp tục kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực theo tinh thần của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

b) Tiếp tục rà soát, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện để điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị theo quy định.

c) Nâng cao hiệu quả, trách nhiệm trong việc phối hợp giải quyết công việc liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị.

d) Tăng cường công tác kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực; tiếp tục rà soát quy định về phân cấp quản lý trên các lĩnh vực để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Bố trí công chức, viên chức đúng yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn từng vị trí việc làm.

b) Tiếp tục triển khai rà soát, quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm công chức, vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo danh mục đã được phê duyệt. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.

c) Ban hành kịp thời và triển khai hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020. Tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức tham quan thực tế những mô hình, giải pháp mới trong quản lý nhà nước đã triển khai có hiệu quả tại các tỉnh, thành phố để nghiên cứu, chọn lọc, áp dụng vào thực tiễn của tỉnh.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

đ) Thực hiện tốt chế độ chính sách liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật... đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

e) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên

quan. Trong đó, phân đấu hoàn thành giao quyền tự chủ kinh phí quản lý hành chính đối với 100% xã, phường, thị trấn¹.

b) Đẩy mạnh triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015, Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016, Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó, phân đấu giảm dần số đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên; tăng số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động chi thường xuyên.

c) Đẩy mạnh triển khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

d) Tiếp tục thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

b) Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho cá nhân, tổ chức theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 877/QĐ-TTg 18 tháng 7 năm 2018. Tăng cường cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; kiến trúc Chính phủ điện tử của tỉnh.

d) Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt.

đ) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước, tăng cường sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến đối với các cuộc họp giữa cơ quan

¹ Theo báo cáo của các huyện, thành phố kết quả thực hiện giao quyền tự chủ kinh phí quản lý hành chính đối với cấp xã đến hết năm 2018 mới đạt 75% (76/102 đơn vị).

cấp tỉnh với các đơn vị cấp huyện. Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử. Tất cả các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và triển khai việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Tiếp tục áp dụng có hiệu quả HTQLCL vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; mở rộng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động nội bộ; từng bước chuyển đổi áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền cải cách hành chính

a) Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, có chất lượng các nhiệm vụ liên quan công tác cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nội vụ; Ban hành kịp thời Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh trên địa bàn tỉnh năm 2021; thực hiện tốt công tác báo cáo cải cách hành chính định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra cải cách hành chính; gắn công tác kiểm tra với công tác đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp triển khai thực hiện Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020.

d) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức đa dạng, nội dung phong phú, phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chuyên mục cải cách hành chính trên sóng truyền hình.

đ) Tiếp tục thực hiện các biện pháp, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh.

e) Tiếp tục gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính.

(Có Phụ lục nhiệm vụ cải cách hành chính cụ thể năm 2020 kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao tại Kế hoạch này.

b) Căn cứ các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch/bảng phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đã phân công cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho phóng viên báo Kon Tum, đài Phát thanh - Truyền hình đến liên hệ công tác về nội dung tuyên truyền thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

đ) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để theo dõi, chỉ đạo.

e) Chủ động phối hợp với Bưu điện tỉnh rà soát lại danh mục thủ tục hành chính của các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (*kể cả thủ tục hành chính cấp xã*) để đề xuất danh mục thủ tục hành chính có thể thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; tổ chức đánh giá kết quả cải cách hành chính hằng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra đột xuất công tác giải quyết thủ tục hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

c) Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và các quy định có liên quan của Chính phủ, Bộ Nội vụ về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần của Chỉ số Cải cách hành

chính "Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính", "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước", "Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức".

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề vướng mắc phát sinh và cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc chậm thực hiện các nhiệm vụ được giao đề có biện pháp chỉ đạo, xử lý.

3. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách thể chế;

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần "Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh".

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác cải cách tài chính công.

b) Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và các quy định có liên quan của Chính phủ, Bộ Tài chính về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định.

c) Phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả chỉ số thành phần "Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập".

d) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập, sử dụng dự toán và thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và các quy định có liên quan của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ và các quy định có liên quan của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc thực hiện theo thẩm quyền công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

b) Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để phát triển sự nghiệp y tế.

b) Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

12. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính; công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Triển khai có hiệu quả Đề án Đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Triển khai thực hiện Đề án Tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đảm bảo đúng quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ.

Chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã thực hiện nghiêm việc sử dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

d) Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần "Cải cách thủ tục hành chính", "Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông".

đ) Hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả các ứng dụng nghệ thông tin đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tổ chức thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục về cải cách hành chính - trong đó tập

trung tuyên truyền sâu rộng những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính của tỉnh thời gian qua; tuyên truyền những điểm sáng về công tác cải cách hành chính và kịp thời phản ánh những hạn chế cần sửa chữa khắc phục hoặc những tồn tại cần phải thay đổi để phù hợp với thực tế của địa phương; tuyên truyền về hiệu quả, tiện ích của Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, về dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4, về dịch vụ bưu chính công ích...

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính do các cơ quan, đơn vị cân đối trong các nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (*nếu có*). Trường hợp vượt quá khả năng, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài chính*) để xem xét.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hòa